

Số: 37/2021/QĐST-HNGĐ

Na Hang, ngày 24 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Bà **Hoàng Thị M**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn NĐ, xã TT, huyện NH, tỉnh TQ.

- Ông **Ma Văn T**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn NĐ, xã TT, huyện NH, tỉnh TQ.

- **Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện NH**: Người đại diện theo pháp luật ông Nông Ngọc L – Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc: Ông Châu Văn D – Cán bộ tín dụng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 60 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Hoàng Thị M và ông Ma Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Hoàng Thị M và ông Ma Văn T cùng xác định có 01 con chung là cháu Ma Văn T, sinh ngày 17/02/1998, hiện nay cháu Ma Văn T đã đủ 18 tuổi, không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị M và ông Ma Văn T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận: Ông Ma Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện NH, tỉnh Tuyên Quang số tiền nợ gốc là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), lãi là 343.973đ (*Ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*), tổng cộng là 45.343.973đ (*Bốn mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*) và các khoản phát sinh khác theo quy định.

- Về án phí: Bà Hoàng Thị M nhận nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà M đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0002256 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Bà M được nhận lại số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Ma Văn T không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã TT (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Mạnh Hồng